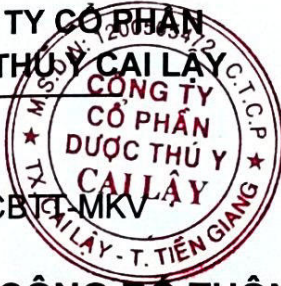


CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC THÚ Y CAI LẬY



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/CBTC-MKV

Tiền Giang, ngày 29 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Dược thú y Cai Lậy thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Dược Thú y Cai Lậy

- Mã chứng khoán : MKV

- Địa chỉ trụ sở chính : Khu phố 1, phường 5, thị xã Cai lậy, tỉnh Tiền Giang

- Điện thoại: 02733710769 Fax: 02733826363

- Email: info@cailayvetco.com; Website: www.cailayvetco.com.

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy được lập ngày 28 tháng 03 năm 2025 gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

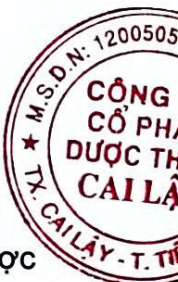
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không



+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 29/03/2025 tại đường dẫn: www.cailayvetco.com.

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2024.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

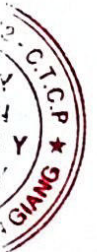
- Nội dung giao dịch: không phát sinh
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);
- Ngày hoàn thành giao dịch:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

TUQ. CHỦ TỊCH HĐQT
Người công bố thông tin



Nguyễn Anh Tuấn



**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC THÚ Y CAILẬY**

Số: 08/CBTF

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế
TNDN năm 2024 tăng trên 10%
so với năm 2023



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tiền Giang, ngày 29 tháng 03 năm 2025

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Dược thú y Cai Lậy, lợi nhuận sau thuế năm 2024 là dương 7.324.302.326 đồng, so với năm 2023 là dương 6.201.467.902 đồng, lợi nhuận sau thuế tăng 1.122.834.424 đồng. Công ty xin giải trình nguyên nhân tăng lợi nhuận sau thuế như sau:

- Từ đầu năm, Công ty đã thực hiện tái cấu trúc bộ phận kinh doanh theo hướng đa dạng kênh bán hàng, tiết giảm chi phí;
- Chính sách bán hàng linh động, phù hợp với nhiều nhóm khách hàng. Phối hợp chính sách kích cầu, đơn hàng ổn định;
- Đa dạng nguồn hàng và nhà cung cấp, đơn hàng được thỏa thuận theo quý, giúp ổn định giá nguyên liệu đầu vào, làm cho chi phí giá vốn bình quân giảm;

Trên đây là những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024 tăng so với năm 2023.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Trân trọng./.

**TUQ. CHỦ TỊCH HĐQT
Người công bố thông tin**

Nguyễn Anh Tuấn

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Shape the future
with confidence

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 27

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1200505472 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28 tháng 1 năm 2003 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội ("SGDCKHN"), với mã chứng khoán là MKV theo Quyết định số 406/QĐ-TTGDHN do SGDCKHN cấp ngày 21 tháng 11 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc thú y.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu phố 1, Phường 5, Thị xã Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đào Mạnh Lương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên độc lập
Ông Lê Thành Nam	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Vũ Thị Hồng Nhung	Trưởng ban	
Bà Trần Thị Kiều Chinh	Thành viên	
Bà Phan Nguyễn Trúc Mỹ	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2024
Ông Thân Văn Dũng	Thành viên	từ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2024

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Văn Tài	Giám đốc
Bà Phan Nguyễn Thanh Huyền	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đào Mạnh Lương.

Ông Đỗ Văn Tài được Ông Đào Mạnh Lương ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy Ủy quyền số 01/2025/UQ-CTHĐQT-MKV ngày 31 tháng 12 năm 2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc: 


Đỗ Văn Tài
Giám đốc

Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12608295/67752266

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy (“Công ty”) được lập ngày 28 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 27, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Hồ Khánh Tân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN Kiểm toán
Số: 3458-2025-004-1

Phạm Xuân Tuân
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4639-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		76.986.999.054	61.942.859.566
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	15.174.991.167	9.191.736.471
111	1. Tiền		7.174.991.167	9.191.736.471
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	6.000.000.000	6.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		6.000.000.000	6.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		38.541.119.225	33.106.484.040
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	38.006.047.821	32.951.813.586
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		54.442.500	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	480.628.904	154.670.454
140	IV. Hàng tồn kho	8	16.641.723.523	12.989.882.445
141	1. Hàng tồn kho		16.641.723.523	12.989.882.445
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		629.165.139	654.756.610
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	370.876.086	560.719.824
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	12	185.049.710	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	73.239.343	94.036.786
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		32.501.707.450	36.383.122.954
220	I. Tài sản cố định		30.128.258.708	34.359.037.259
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	30.128.258.708	34.359.037.259
222	Nguyên giá		102.093.300.169	102.093.300.169
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(71.965.041.461)	(67.734.262.910)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		260.000.000	260.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(260.000.000)	(260.000.000)
260	II. Tài sản dài hạn khác		2.373.448.742	2.024.085.695
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	602.901.714	808.526.222
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20.3	1.770.547.028	1.215.559.473
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		109.488.706.504	98.325.982.520

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		22.342.780.435	18.504.358.777
310	I. Nợ ngắn hạn		22.342.780.435	18.504.358.777
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	1.536.977.437	4.829.330.491
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		271.028.096	180.290.512
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	450.618.428	1.777.853.788
314	4. Phải trả người lao động		727.556.825	1.124.917.100
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	19.376.039.035	10.582.348.443
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		17.791.695	46.849.524
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(37.231.081)	(37.231.081)
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		87.145.926.069	79.821.623.743
410	I. Vốn chủ sở hữu	14.1	87.145.926.069	79.821.623.743
411	1. Vốn cổ phần		50.000.380.000	50.000.380.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.380.000	50.000.380.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(380.000)	(380.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		69.863.124	69.863.124
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		37.076.062.945	29.751.760.619
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		29.751.760.619	23.550.292.717
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		7.324.302.326	6.201.467.902
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		109.488.706.504	98.325.982.520

Trần Thị Thanh Thêm
Người lập

Võ Thị Lệ Trinh
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Tài
Giám đốc

Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.1	119.087.670.085	121.146.538.776
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	15.1	(12.051.205.109)	(10.241.029.677)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.1	107.036.464.976	110.905.509.099
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	16	(71.099.790.325)	(78.673.987.168)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		35.936.674.651	32.231.521.931
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	15.2	465.964.084	298.015.722
22	7. Chi phí tài chính	17	(3.168.851.473)	(3.426.637.326)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(38.525.102)	(481.411.626)
25	8. Chi phí bán hàng	18	(16.337.596.113)	(14.271.148.758)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(7.539.482.097)	(7.267.753.047)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.356.709.052	7.563.998.522
31	11. Thu nhập khác		4.579.646	187.905.319
32	12. Chi phí khác		(164.728.632)	(55.171)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác		(160.148.986)	187.850.148
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.196.560.066	7.751.848.670
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.1	(2.427.245.295)	(2.765.940.241)
52	16. Thuế thu nhập hoãn lại		554.987.555	1.215.559.473
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		7.324.302.326	6.201.467.902
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	22	1.465	1.240
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	22	1.465	1.240

Trần Thị Thanh Thêm
Người lập

Võ Thị Lệ Trinh
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Tài
Giám đốc

Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.196.560.066	7.751.848.670
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao vào hao mòn	9	4.230.778.551	7.170.793.387
03	Hoàn nhập dự phòng		-	(9.460.870)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(428.595.679)	(467.330.190)
06	Chi phí lãi vay	17	38.525.102	481.411.626
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		13.037.268.040	14.927.262.623
09	Tăng các khoản phải thu		(5.556.712.107)	(8.041.678.562)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(3.651.841.078)	15.682.765.666
11	Tăng các khoản phải trả		4.842.110.228	4.650.197.014
12	Giảm chi phí trả trước		395.468.246	49.341.488
14	Tiền lãi vay đã trả		(38.525.102)	(577.221.498)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.430.933.865)	(1.300.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5.596.834.362	25.390.666.731
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		-	(984.459.000)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		-	181.818.182
24	Tiền thu hồi cho tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		-	-
27	Thu lãi tiền gửi		386.420.334	330.980.459
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		386.420.334	(471.660.359)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		5.010.334.753	9.087.005.320
34	Tiền trả nợ gốc vay		(5.010.334.753)	(27.491.520.232)
36	Cổ tức đã trả		-	(1.500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		-	(19.904.514.912)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm		5.983.254.696	5.014.491.460
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		9.191.736.471	4.177.245.011
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	15.174.991.167	9.191.736.471

Trần Thị Thanh Thêm
Người lập

Võ Thị Lệ Trinh
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Tài
Giám đốc

Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1200505472 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28 tháng 1 năm 2003 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội ("SGDCKHN"), với mã chứng khoán là MKV theo Quyết định số 406/QĐ-TTGDHN do SGDCKHN cấp ngày 21 tháng 11 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc thú y.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu phố 1, Phường 5, Thị xã Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 104 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 108 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|--|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác, sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Thu nhập từ tiền thuê cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.8 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày này theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.14 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi:

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.19 Thông tin bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc thú y. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	247.471.257	255.203.262
Tiền gửi ngân hàng	6.927.519.910	8.936.533.209
Các khoản tương đương tiền (*)	8.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	15.174.991.167	9.191.736.471

(*) Số cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng tại Ngân hàng HongLeong Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và hưởng lãi suất dao động từ 2.5% đến 3,6% mỗi năm.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng HongLeong Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, có kỳ hạn gốc năm (5) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 2.5%/năm đến 5.5%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thú y Châu Giang	30.695.413.372	26.390.338.593
HKD Cửa hàng thuốc thú y Lộc Phát	979.453.936	221.437.989
Khác	6.331.180.513	6.340.037.004
TỔNG CỘNG	38.006.047.821	32.951.813.586

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>VND</i> <i>Số đầu năm</i>
Tạm ứng nhân viên	418.488.325	115.527.854
Khác	<u>62.140.579</u>	<u>39.142.600</u>
TỔNG CỘNG	<u>480.628.904</u>	<u>154.670.454</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên khác</i>	<i>475.213.904</i>	<i>135.200.454</i>
<i>Phải thu các bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 21)</i>	<i>5.415.000</i>	<i>19.470.000</i>

8. HÀNG TỒN KHO

	<i>Số cuối năm</i>	<i>VND</i> <i>Số đầu năm</i>
Nguyên liệu, vật liệu	10.648.146.580	8.365.827.235
Thành phẩm	5.838.631.027	3.973.073.913
Hàng hoá	154.945.916	197.164.797
Hàng đi đường	<u>-</u>	<u>453.816.500</u>
TỔNG CỘNG	<u>16.641.723.523</u>	<u>12.989.882.445</u>

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	VND Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm và số cuối năm	<u>36.887.812.125</u>	<u>61.200.927.593</u>	<u>4.004.560.451</u>	<u>102.093.300.169</u>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết	<u>1.634.933.919</u>	<u>36.133.292.176</u>	<u>4.004.560.451</u>	<u>41.772.786.546</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	<u>(13.539.797.457)</u>	<u>(50.189.905.002)</u>	<u>(4.004.560.451)</u>	<u>(67.734.262.910)</u>
Khấu hao trong năm	<u>(1.527.925.983)</u>	<u>(2.702.852.568)</u>	<u>-</u>	<u>(4.230.778.551)</u>
Số cuối năm	<u>(15.067.723.440)</u>	<u>(52.892.757.570)</u>	<u>(4.004.560.451)</u>	<u>(71.965.041.461)</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>23.348.014.668</u>	<u>11.011.022.591</u>	<u>-</u>	<u>34.359.037.259</u>
Số cuối năm	<u>21.820.088.685</u>	<u>8.308.170.023</u>	<u>-</u>	<u>30.128.258.708</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	370.876.086	560.719.824
Công cụ, dụng cụ	285.106.406	60.993.252
Chi phí bảo hiểm	68.337.930	215.734.439
Chi phí sửa chữa, bảo trì	-	28.735.311
Khác	17.431.750	255.256.822
Dài hạn	602.901.714	808.526.222
Chi phí sửa chữa	343.055.556	630.736.514
Công cụ, dụng cụ	2.800.000	47.120.452
Khác	257.046.158	130.669.256
TỔNG CỘNG	973.777.800	1.369.246.046

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho bên khác	786.977.437	4.204.330.491
- Công ty Cổ phần BMT Quốc tế	433.417.777	6.094.000
- Công ty Phát Triển Hải Đăng	312.112.500	19.124.994
- Công ty TNHH Lva Việt Nam	-	1.252.299.931
- Công ty TNHH Thương mại Quốc tế VHL	-	144.000.000
- Công ty Cổ phần Thành Nhơn	-	459.649.922
- Khác	41.447.160	2.323.161.644
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 21)	750.000.000	625.000.000
TỔNG CỘNG	1.536.977.437	4.829.330.491

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu	94.036.786	3.806.887.284	(3.642.635.017)	258.289.053
Thuế giá trị gia tăng	30.438.561	3.674.112.028	(3.519.500.879)	185.049.710
Tiền thuê đất	38.564.488	132.775.256	(123.134.138)	48.205.606
Thuế khác	25.033.737	-	-	25.033.737
Phải nộp	1.777.853.788	10.075.254.776	(11.402.490.136)	450.618.428
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.430.933.865	2.427.245.295	(3.430.933.865)	427.245.295
Thuế thu nhập cá nhân	13.331.351	572.686.538	(562.644.756)	23.373.133
Thuế giá trị gia tăng	333.588.572	7.075.322.943	(7.408.911.515)	-

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chiết khấu phải trả	14.494.588.637	9.354.532.239
Tiền thưởng và thù lao và hiệu suất công việc	4.113.678.850	889.325.007
Khác	767.771.548	338.491.197
TỔNG CỘNG	<u>19.376.039.035</u>	<u>10.582.348.443</u>

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 3 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
					VND
Năm trước:					
Số đầu năm	50.000.380.000	(380.000)	69.863.124	23.550.292.717	73.620.155.841
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	6.201.467.902	6.201.467.902
Số cuối năm	50.000.380.000	(380.000)	69.863.124	29.751.760.619	79.821.623.743
Năm nay:					
Số đầu năm	50.000.380.000	(380.000)	69.863.124	29.751.760.619	79.821.623.743
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	7.324.302.326	7.324.302.326
Số cuối năm	50.000.380.000	(380.000)	69.863.124	37.076.062.945	87.145.926.069

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.2 Cổ phiếu

	<i>Số lượng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu được phép phát hành	5.000.038	5.000.038
Cổ phiếu đã phát hành	5.000.038	5.000.038
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.000.038</i>	<i>5.000.038</i>
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	38	38
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>38</i>	<i>38</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.000.000</i>	<i>5.000.000</i>

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

15. DOANH THU

15.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Doanh thu gộp	119.087.670.085	121.146.538.776
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>118.997.670.085</i>	<i>121.048.538.776</i>
<i>Doanh thu từ cho thuê xe và vận chuyển</i>	<i>90.000.000</i>	<i>98.000.000</i>
Giảm trừ	(12.051.205.109)	(10.241.029.677)
Chiết khấu thương mại	(11.461.610.961)	(9.788.674.860)
Hàng bán bị trả lại	(589.485.548)	(452.354.817)
Giảm giá hàng bán	(108.600)	-
Doanh thu thuần	107.036.464.976	110.905.509.099

15.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi	428.595.679	285.512.008
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	37.368.405	12.503.714
TỔNG CỘNG	465.964.084	298.015.722

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm đã bán	71.095.148.326	78.669.345.168
Giá vốn cho thuê xe và vận chuyển	4.641.999	4.642.000
TỔNG CỘNG	<u>71.099.790.325</u>	<u>78.673.987.168</u>

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thanh toán	3.084.522.178	2.941.726.500
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	45.804.193	3.499.200
Chi phí lãi vay	38.525.102	481.411.626
TỔNG CỘNG	<u>3.168.851.473</u>	<u>3.426.637.326</u>

18. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	16.337.596.113	14.271.148.758
Chi phí nhân viên	6.764.157.982	5.805.070.680
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.456.028.200	3.419.314.732
Chi phí công cụ, dụng cụ	27.868.767	22.366.829
Chi phí khấu hao	-	73.663.893
Khác	6.089.541.164	4.950.732.624
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.539.482.097	7.267.753.047
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.228.622.488	3.561.899.810
Chi phí nhân viên	2.929.722.733	3.232.202.443
Chi phí công cụ, dụng cụ	104.013.828	85.127.220
Chi phí khấu hao	5.700.000	5.700.000
Chi phí khác	271.423.048	382.823.574
TỔNG CỘNG	<u>23.877.078.210</u>	<u>21.538.901.805</u>

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa	59.290.945.008	61.011.105.251
Chi phí nhân viên	16.712.204.621	16.360.999.301
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.813.533.853	9.574.348.908
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 9)	4.230.778.551	7.170.793.387
Chi phí khác	3.929.406.502	6.095.642.126
TỔNG CỘNG	<u>94.976.868.535</u>	<u>100.212.888.973</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") của Công ty là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

20.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN trong năm	2.427.245.295	2.765.940.241
Thuế thu nhập hoãn lại	<u>(554.987.555)</u>	<u>(1.215.559.473)</u>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>1.872.257.740</u>	<u>1.550.380.768</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>9.196.560.066</u>	<u>7.751.848.670</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	1.839.312.013	1.550.369.734
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	<u>32.945.727</u>	<u>11.034</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>1.872.257.740</u>	<u>1.550.380.768</u>

20.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

20.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Trích trước chiết khấu thương mại	<u>1.770.547.028</u>	<u>1.215.559.473</u>	<u>554.987.555</u>	<u>1.215.559.473</u>
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	<u>1.770.547.028</u>	<u>1.215.559.473</u>		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			<u>554.987.555</u>	<u>1.215.559.473</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mavin Công ty TNHH Liên doanh Thực phẩm Mavin	Công ty mẹ Đồng chủ sở hữu
Ông Đào Mạnh Lương Ông Đào Mạnh Ưởng Bà Phan Thị Hạnh Bà Triệu Thị Quỳnh Thư	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) Bố của ông Đào Mạnh Lương Mẹ của ông Đào Mạnh Lương Vợ của ông Đào Mạnh Lương
Ông Lê Thành Nam Ông Lê Thành Hưng Bà Nguyễn Thị Nhung Bà Nguyễn Thị Thủy Dương	Thành viên HĐQT Bố của ông Lê Thành Nam Mẹ của ông Lê Thành Nam Vợ của ông Lê Thành Nam
Ông Nguyễn Anh Tuấn Bà Trần Thu Phú Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Thành viên HĐQT Mẹ của ông Nguyễn Anh Tuấn Vợ của ông Nguyễn Anh Tuấn
Bà Vũ Thị Hồng Nhung Ông Đào Mạnh Hiếu	Trưởng Ban kiểm soát (“BKS”) Chồng của bà Vũ Thị Hồng Nhung
Bà Phan Nguyễn Trúc Mỹ Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng Ông Trần Thanh Thuận	Thành viên BKS Mẹ của bà Phan Nguyễn Trúc Mỹ Chồng của bà Phan Nguyễn Trúc Mỹ
Bà Trần Thị Kiều Chinh Ông Trần Văn Bảy Bà Nguyễn Thị Một	Thành viên BKS Bố của bà Trần Thị Kiều Chinh Mẹ của bà Trần Thị Kiều Chinh
Thân Văn Dũng Ông Đỗ Văn Tài Bà Phan Nguyễn Thanh Huyền	Thành viên BKS Giám đốc Phó Giám đốc

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
			<i>VND</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mavin	Mua dịch vụ	3.000.000.000	2.500.000.000
	Chi hộ	14.723.000	28.974.000
	Cổ tức	-	857.663.700
Công ty TNHH Liên doanh Thực phẩm Mavin	Mua hàng hóa và nguyên vật liệu	2.477.148	-

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
			<i>VND</i>
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mavin	Chi hộ	<u>5.415.000</u>	<u>19.470.000</u>
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mavin	Mua dịch vụ	<u>750.000.000</u>	<u>625.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Giám đốc và Ban kiểm soát ("BKS") bao gồm lương, thù lao và các chi phí liên quan như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Đào Mạnh Lương	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Lê Thành Nam	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Bà Vũ Thị Hồng Nhung	Trưởng BKS	24.000.000	24.000.000
Bà Trần Thị Kiều Chinh	Thành viên BKS	250.761.469	231.776.095
Ông Thân Văn Dũng	Thành viên BKS	69.736.269	190.836.277
Bà Phan Nguyễn Trúc Mỹ	Thành viên BKS	114.590.000	-
Ông Đỗ Văn Tài	Giám đốc	812.457.000	807.850.000
Bà Phan Nguyễn Thanh Huyền	Phó Giám đốc	630.872.894	489.040.000
TỔNG CỘNG		1.986.417.632	1.827.502.372

22. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.324.302.326	6.201.467.902
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi trên cổ phiếu	5.000.000	5.000.000
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	1.465	1.240
- Lãi suy giảm	1.465	1.240

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Năm nay	VND Năm trước
Trong vòng 1 năm	165.276.371	165.276.371
Từ 1 năm đến 5 năm	648.755.420	661.105.482
Trên 5 năm	2.170.179.528	2.323.105.836
TỔNG CỘNG	2.984.211.319	3.149.487.689

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê xe theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, khoản tiền thuê tối thiểu hàng năm trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động là 90.000.000 VND.

24. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Trần Thị Thanh Thêm
Người lập



Võ Thị Lệ Trinh
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Tài
Giám đốc

Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025